

THÁI ĐỘ AN TOÀN CỦA NHÂN VIÊN Y TẾ TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA THẢO NGUYÊN, TỈNH SƠN LA NĂM 2020 VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN

Vũ Thị Huệ, Tống Thị Thảo và Nguyễn Hữu Thắng✉

Viện Đào tạo YHDP và YTCC, Trường Đại học Y Hà Nội

Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện nhằm mô tả thái độ an toàn của nhân viên y tế đang công tác tại Bệnh viện Đa khoa Thảo Nguyên. Nghiên cứu sử dụng bộ câu hỏi về thái độ an toàn (Safety Attitudes Questionnaire) được dịch sang tiếng Việt và được kiểm định độ tin cậy bởi Nguyễn Thị Huyền Trâm (Cronbach's alpha = 0,89). Kết quả cho thấy điểm thái độ an toàn của nhân viên y tế theo thang điểm 100 là $69,56 \pm 8,91$ (ở mức trung bình), khía cạnh sự hài lòng về công việc đạt điểm cao nhất ($78,25 \pm 14,67$), tiếp theo là điều kiện công việc ($72,51 \pm 14,69$), công tác quản lý bệnh viện ($71,56 \pm 11,72$), môi trường làm việc nhóm ($69,72 \pm 11,53$), môi trường an toàn ($67,08 \pm 9,63$), thấp nhất là áp lực công việc ($58,18 \pm 14,67$). Tỷ lệ nhân viên y tế có thái độ an toàn tích cực chiếm 22,7%. Thái độ an toàn của nhân viên y tế là nữ giới, chưa lập gia đình, điều dưỡng, trình độ đại học tốt hơn các nhân viên khác, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Bệnh viện cần tập trung cải thiện về các khía cạnh chưa đạt điểm tích cực và các yếu tố ảnh hưởng để nâng cao văn hóa an toàn người bệnh trong tương lai.

Từ khóa: Thái độ an toàn; cán bộ y tế; bệnh viện; Sơn La.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), An toàn người bệnh là sự phòng ngừa các sai sót có thể gây nguy hại cho người bệnh trong quá trình điều trị và chăm sóc.¹ WHO cũng chỉ ra rằng sai sót trong quá trình cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe chưa đảm bảo an toàn đã khiến sự cố y khoa trở thành một trong 10 nguyên nhân hàng đầu gây tử vong và tàn tật trên thế giới.² Tại Việt Nam, nghiên cứu của Mai Thị Tiết tiến hành tại Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai năm 2014 chỉ ra được 2,5% bệnh nhân có nhiễm trùng vết mổ, 40% - 50% bệnh nhân viêm phổi trong số bệnh nhân thở máy.³ Sự hạn chế dữ liệu do các nghiên cứu về sự cố y khoa tại các bệnh viện vẫn chưa được tiến hành một cách

hệ thống cho thấy đây là một vấn đề cần được quan tâm nghiên cứu nhiều hơn tại Việt Nam.

Các nghiên cứu về thái độ an toàn của nhân viên y tế trên thế giới được tiến hành khá phổ biến. Bảng hỏi về thái độ an toàn SAQ (Safety Attitudes Questionnaire) là một trong những công cụ điều tra được sử dụng phổ biến nhất. SAQ được sử dụng rộng rãi ở các nước như Mỹ, Đức, Thụy Điển, Na Uy, Trung Quốc, và nhiều nước khác trên thế giới.^{4,5} Việt Nam hiện có rất ít nghiên cứu sử dụng bảng hỏi SAQ, các nghiên cứu thường đo lường về một vấn đề cụ thể liên quan đến thái độ an toàn của nhân viên y tế (NVYT). Chẳng hạn như sự hài lòng về công việc,^{6,7} áp lực công việc,⁸ điều kiện công việc.⁹

Bệnh viện Đa khoa Thảo Nguyên là một trong 13 bệnh viện thuộc tỉnh Sơn La, một tỉnh Tây Bắc Việt Nam. Bệnh viện là địa chỉ tin cậy có chức năng, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe

Tác giả liên hệ: Nguyễn Hữu Thắng

Viện Đào tạo YHDP và YTCC, Trường Đại học Y Hà Nội

Email: nguyenuuthang@hmu.edu.vn

Ngày nhận: 01/04/2021

Ngày được chấp nhận: 27/07/2021

cho một số lượng lớn người dân các dân tộc huyện Mộc Châu và huyện Vân Hồ. Do vậy, bệnh viện đã và đang nâng cao chất lượng, đảm bảo an toàn cho người bệnh. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có nghiên cứu nào về thái độ an toàn của nhân viên y tế được thực hiện. Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này nhằm mục tiêu:

(1) Mô tả thái độ an toàn của nhân viên y tế tại Bệnh viện Đa khoa Thảo Nguyên năm 2020;

(2) Phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến thái độ an toàn của nhân viên y tế tại Bệnh viện Đa khoa Thảo Nguyên, năm 2020.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

1. Đối tượng

Đối tượng nghiên cứu là tất cả nhân viên y tế hiện đang có mặt và làm việc tại Bệnh viện Đa khoa Thảo Nguyên trong thời gian nghiên cứu.

2. Phương pháp

Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang đã được sử dụng. Thời gian nghiên cứu từ tháng 5/2020 đến tháng 8/2020. Chọn mẫu toàn bộ, tất cả các nhân viên y tế đủ điều kiện tham gia phỏng vấn tự nhiên, tất cả có 97 người.

Bộ câu hỏi về thái độ an toàn SAQ phiên bản rút gọn¹⁰ được dịch sang tiếng Việt, thử nghiệm và được kiểm định độ tin cậy bởi Nguyễn Thị Huyền Trâm (Cronbach's alpha = 0,885).¹¹ Các biến độc lập là đặc điểm thông tin của nhân viên y tế gồm tuổi, giới, bằng cấp, vị trí làm việc, số năm làm việc, chuyên môn đào tạo, phạm vi hoạt động. Biến phụ thuộc là điểm số về thái độ an toàn của nhân viên y tế và được đo lường bằng bộ câu hỏi SAQ.

Số liệu định lượng được nhập, kiểm tra, làm

sạch, và mã hoá bằng phần mềm Epidata 3.1. Xử lý thống kê bằng phần mềm STATA 13. Quy đổi thang điểm Likert từ 1-5 sang thang điểm 0-100 (1=0; 2=25; 3=50; 4=75; 5=100 điểm cho từng tiểu mục trong bộ công cụ). Đối với câu âm tính B2 và C5, xử lý theo hướng dẫn sử dụng bộ công cụ đảo ngược điểm Likert (1 = 5, 2 = 4, 3).¹⁰ Từ đó tiếp tục quy đổi sang thang điểm 100. Thái độ an toàn của nhân viên y tế với người bệnh được cho là tích cực khi điểm trung bình ≥ 75 điểm.¹⁰

Thống kê mô tả bao gồm tính tỷ lệ phần trăm, giá trị trung bình và độ lệch chuẩn điểm thái độ an toàn của nhân viên y tế. Thống kê suy luận, ANOVA test được áp dụng để kiểm định sự khác biệt giữa các giá trị trung bình.

3. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được sự đồng ý của Ban giám đốc bệnh viện, lãnh đạo các khoa trong Bệnh viện Đa khoa Thảo Nguyên. Đối tượng phỏng vấn hoàn toàn tự nguyện tham gia hợp tác nghiên cứu và đảm bảo giữ bí mật cá nhân và thông tin cung cấp.

III. KẾT QUẢ

1. Thông tin chung

Trong tổng số 97 nhân viên y tế được phỏng vấn, số nhân viên y tế nữ nhiều hơn 1,6 lần số nhân viên y tế nam. Độ tuổi trung bình là $30,70 \pm 6,50$. Đa số nhân viên y tế đều đã kết hôn. Điều dưỡng chiếm tỷ lệ cao nhất với 54,6%, tiếp theo là bác sĩ chiếm 23,7%, dược sĩ chiếm 2,1%. nhân viên y tế tốt nghiệp đại học chiếm khoảng 2/3 trong tổng số. Số năm công tác trong ngành y và tại Bệnh viện Đa khoa Thảo Nguyên lần lượt là $7,11 \pm 5,53$ và $6,95 \pm 5,58$. Số lượng nhân viên y tế trong lĩnh vực lâm sàng chiếm tỷ lệ cao nhất với gần 90%.

2. Điểm thái độ an toàn của nhân viên y tế

Bảng 1. Thái độ an toàn của nhân viên y tế (n = 97)

	Thái độ tích cực		Trung bình	Độ lệch chuẩn
	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)		
Sự hài lòng về công việc	75	77,3	78,25*	14,67
Điều kiện công việc	57	58,8	72,51	14,69
Công tác quản lý bệnh viện	53	54,6	71,56	11,72
Môi trường làm việc nhóm	40	41,2	69,72	11,53
Môi trường an toàn	32	33,0	67,08	9,63
Áp lực công việc	29	29,9	58,18	14,67
Tổng	22	22,7	69,56	8,91

* Thái độ an toàn tích cực

Có 22/97 (22,7%) nhân viên y tế đạt điểm thái độ an toàn tích cực. Điểm trung bình cho toàn bảng hỏi là $69,56 \pm 8,91$. Khía cạnh sự hài lòng về công việc đạt điểm cao nhất ($78,25 \pm 14,67$), điều kiện công việc ($72,51 \pm 14,69$), công tác quản lý bệnh viện ($71,56 \pm 11,72$), môi trường làm việc nhóm ($69,72 \pm 11,53$), môi trường an toàn ($67,08 \pm 9,63$), áp lực công việc có điểm số thấp nhất ($58,18 \pm 14,67$) (Bảng 1).

3. Một số yếu tố liên quan đến thái độ an toàn của nhân viên y tế

Bảng 2. Một số yếu tố liên quan đến thái độ an toàn của nhân viên y tế

Yếu tố liên quan	Trung bình \pm Độ lệch chuẩn	
Giới tính	Nam	$72,30 \pm 7,31$
	Nữ	$67,88 \pm 9,44$
	p-value	0,017*
Tuổi	< 30	$69,97 \pm 9,17$
	≥ 30	$69,18 \pm 8,74$
	p-value	0,666
Tình trạng hôn nhân	Chưa kết hôn	$74,36 \pm 7,20$
	Đã kết hôn	$68,75 \pm 8,96$
	p-value	0,029*

Yếu tố liên quan	Trung bình ± Độ lệch chuẩn	
Chuyên môn đào tạo chính	Bác sỹ	68,71 ± 7,98
	Dược sỹ	72,10 ± 8,81
	Điều dưỡng	73,05 ± 6,97
	Kỹ thuật viên	-
	p-value	0,000*
Bằng cấp cao nhất	Trung cấp	64,65 ± 9,34
	Cao đẳng	65,96 ± 8,75
	Đại học	71,95 ± 8,41
	Sau đại học	69,54 ± 0,86
	p-value	0,018*
Số năm công tác trong ngành Y	< 10 năm	70,01 ± 8,67
	≥ 10 năm	67,96 ± 9,81
	p-value	0,353
Số năm công tác trong bệnh viện	< 10 năm	70,01 ± 8,61
	≥ 10 năm	67,83 ± 10,04
	p-value	0,331
Vị trí công tác	Lãnh đạo	68,18 ± 10,44
	Nhân viên	69,65 ± 8,86
	p-value	0,697
Phạm vi hoạt động chuyên môn	Lâm sàng	69,37 ± 9,13
	Cận lâm sàng	71,02 ± 6,15
	Dược	75,42 ± 8,47
	Hành chính/quản lý	65,63 ± 4,33
	p-value	0,609

* giá trị p-value < 0,05

Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) giữa giới tính, tình trạng hôn nhân, chuyên môn đào tạo chính, và bằng cấp cao nhất. Cụ thể, nhân viên y tế nam ($72,30 \pm 7,31$) có thái độ an toàn cao hơn nữ ($67,88 \pm 9,44$). Nhân viên y tế chưa kết hôn ($74,36 \pm 7,20$) có thái độ an toàn cao hơn nhóm đã kết hôn ($68,75 \pm 8,96$). Điều dưỡng ($73,05 \pm 6,97$) có điểm thái độ an toàn cao hơn dược sỹ ($72,10 \pm 8,81$) và thấp nhất là bác sỹ ($68,71 \pm 7,98$). Nhân viên y tế có bằng đại học ($71,95 \pm 8,41$) có điểm thái độ an toàn cao nhất, tiếp theo là bằng sau đại học ($69,54 \pm 0,86$) và bằng cao đẳng ($65,96 \pm 8,75$), thấp nhất là bằng trung cấp ($64,65 \pm 9,34$) (Bảng 2).

Bảng 3. Một số yếu tố liên quan đến thái độ an toàn của nhân viên y tế ở các khoa cạnh

BVĐK Thảo Nguyên (n = 97)	Môi trường làm việc nhóm	Môi trường an toàn	Sự hài lòng về công việc	Áp lực công việc	Công tác quản lý bệnh viện	Điều kiện công việc
Nam	72,64 ± 10,92	70,08 ± 9,61	80,27 ± 13,28	59,29 ± 21,23	75,56 ± 11,12	77,03 ± 13,24
Nữ	67,92 ± 11,62	65,24 ± 9,25	77,00 ± 15,44	57,50 ± 14,59	69,10 ± 11,49	69,72 ± 14,95
Giới tính	p-value	0,049*	0,016*	0,289	0,624	0,008*
< 30	67,82 ± 10,27	68,24 ± 10,19	78,09 ± 13,17	60,64 ± 14,27	72,70 ± 11,84	73,58 ± 13,50
≥ 30	71,50 ± 12,44	66,00 ± 9,05	78,40 ± 16,08	55,88 ± 19,66	70,50 ± 11,63	71,50 ± 15,80
Tuổi	p-value	0,117	0,255	0,917	0,178	0,360
Chưa kết hôn	75,30 ± 8,08	71,17 ± 10,98	81,43 ± 13,93	63,84 ± 18,37	77,38 ± 10,30	78,57 ± 10,70
Đã kết hôn	68,78 ± 11,79	66,39 ± 9,28	77,71 ± 14,80	57,23 ± 17,09	70,58 ± 11,72	71,49 ± 15,07
Tình trạng hôn nhân	p-value	0,049*	0,086	0,383	0,188	0,044*
Bác sĩ	69,93 ± 9,06	68,48 ± 8,46	73,48 ± 13,18	64,95 ± 18,25	68,12 ± 11,21	68,84 ± 14,26
Dược sĩ	66,67 ± 5,89	67,86 ± 10,10	75,00 ± 0,00	71,88 ± 4,42	75,00 ± 5,89	70,83 ± 17,68
Điều dưỡng	74,29 ± 10,10	69,00 ± 9,72	84,72 ± 12,69	55,07 ± 18,22	76,49 ± 9,32	78,46 ± 12,49
Kỹ thuật viên	-	-	-	-	-	-
Chuyên môn đào tạo chính	p-value	0,000*	0,004*	0,000*	0,087	0,000*
Trung cấp	62,80 ± 11,84	64,54 ± 9,85	70,00 ± 14,68	58,48 ± 13,78	66,37 ± 11,72	64,29 ± 12,84
Cao đẳng	68,54 ± 11,90	61,25 ± 8,92	80,25 ± 18,03	51,56 ± 12,80	67,08 ± 11,30	66,25 ± 13,38
Đại học	71,47 ± 11,18	69,25 ± 9,19	79,66 ± 13,45	60,49 ± 19,40	74,36 ± 11,50	76,41 ± 14,61
Sau đại học	73,96 ± 3,99	73,21 ± 3,57	76,25 ± 2,50	56,25 ± 8,84	70,83 ± 4,81	75,00 ± 6,80
Bằng cấp cao nhất	p-value	0,065	0,004*	0,143	0,262	0,026*
						0,005*

BVĐK Tháo Nguyên (n = 97)	Môi trường làm việc nhóm	Môi trường an toàn	Sự hài lòng về công việc	Áp lực công việc	Công tác quản lý bệnh viện	Điều kiện công việc
Số năm công tác trong ngành Y	≤ 10 năm 69,35 ± 10,77	67,29 ± 9,64	78,49 ± 14,12	59,62 ± 17,15	72,31 ± 11,32	72,92 ± 14,79
	≥ 10 năm 71,03 ± 14,16	66,33 ± 9,82	77,38 ± 16,85	52,98 ± 17,41	68,85 ± 13,02	71,03 ± 14,58
	p-value 0,558	0,686	0,762	0,121	0,233	0,605
Số năm công tác trong bệnh viện	≤ 10 năm 69,43 ± 10,72	67,39 ± 9,61	78,44 ± 14,03	59,42 ± 17,14	72,35 ± 11,25	72,94 ± 14,69
	≥ 10 năm 70,83 ± 14,50	65,89 ± 9,86	77,50 ± 17,28	53,44 ± 17,73	68,54 ± 13,28	70,83 ± 14,93
	p-value 0,629	0,538	0,800	0,171	0,197	0,570
Vị trí công tác	Lãnh đạo 75,00 ± 14,91	70,24 ± 10,51	75,83 ± 15,94	48,96 ± 11,47	66,67 ± 10,87	76,39 ± 16,17
	Nhân viên 69,37 ± 11,29	66,88 ± 9,60	78,41 ± 14,66	58,79 ± 17,53	71,89 ± 11,76	72,25 ± 14,65
	p-value 0,249	0,411	0,680	0,180	0,293	0,507
Phạm vi hoạt động chuyên môn	Lâm sàng 69,54 ± 11,32	67,20 ± 9,63	77,53 ± 14,72	58,69 ± 17,32	71,12 ± 12,15	72,13 ± 14,92
	Cận lâm sàng 75,00 ± 7,80	62,86 ± 10,59	91,00 ± 10,84	46,25 ± 19,06	75,00 ± 5,10	75,00 ± 10,21
	Dược 76,39 ± 17,35	71,43 ± 9,45	83,33 ± 14,43	60,42 ± 20,09	79,17 ± 8,33	80,56 ± 20,97
	HC/QL 54,17 ± 11,79	66,07 ± 12,63	70,00 ± 7,07	62,50 ± 0,00	70,83 ± 0,00	70,83 ± 5,89
	p-value 0,125	0,664	0,173	0,460	0,617	0,776

*Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê

Nhân viên y tế nam có điểm thái độ an toàn cao hơn nhân viên y tế nữ trong hầu hết các khía cạnh (trừ sự hài lòng về công việc và áp lực công việc). Điểm thái độ an toàn của nhóm người chưa kết hôn cao hơn nhóm người đã kết hôn ở hai khía cạnh môi trường làm việc nhóm và công tác quản lý bệnh viện. Điều dưỡng có điểm thái độ an toàn cao hơn bác sỹ và dược sỹ trong 5 khía cạnh (trừ áp lực công việc). Tại khía cạnh môi trường an toàn, nhân viên bằng cấp sau đại học có điểm an toàn cao nhất. Tất cả sự khác biệt trên có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$ (Bảng 3).

IV. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng điểm trung bình cho cả bảng hỏi là $(69,56 \pm 8,91)/100$. Trong mỗi khía cạnh, sự hài lòng về công việc đạt điểm cao nhất và là khía cạnh duy nhất đạt điểm thái độ an toàn của nhân viên y tế tích cực. Tiếp theo là điều kiện công việc, công tác quản lý bệnh viện, môi trường làm việc nhóm, môi trường an toàn, và thấp nhất là áp lực công việc. Có sự khác biệt ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) giữa giới tính, tình trạng hôn nhân, chuyên môn đào tạo chính, và bằng cấp cao nhất với thái độ an toàn của nhân viên y tế.

Có sự tương đồng giữa kết quả nghiên cứu của chúng tôi và các nghiên cứu trước đó khi chỉ ra được điểm trung bình cho cả bảng hỏi không đạt điểm thái độ an toàn của nhân viên y tế tích cực, khía cạnh sự hài lòng về công việc luôn đạt điểm thái độ an toàn cao nhất, và khía cạnh áp lực công việc đạt điểm thấp nhất. Ví dụ, một nghiên cứu của Kexin Jiang và cộng sự (2019) tại một bệnh viện phía Đông Bắc Trung Quốc có điểm thái độ an toàn của nhân viên y tế trung bình là $70,22 \pm 8,08$, khía cạnh sự hài lòng về công việc đạt điểm cao nhất ($74,16 \pm 11,29$) và áp lực công việc có điểm thấp nhất ($61,93 \pm 18,71$). Tuy nhiên, nhân viên y tế bệnh viện này không có thái độ an toàn tích cực cho

tất cả các khía cạnh.⁴ Một số nghiên cứu khác cũng sử dụng SAQ để đánh giá thái độ an toàn của nhân viên y tế, kết quả cũng cho thấy khía cạnh sự hài lòng về công việc đạt điểm tích cực và luôn được xếp hạng cao nhất trong các khía cạnh, áp lực công việc là một trong những khía cạnh đạt điểm thấp nhất và thường là điểm tiêu cực.^{12,13} Tuy nhiên, các nghiên cứu này chỉ tiến hành trên các đối tượng điều dưỡng, và các bác sỹ chuyên khoa. Có thể thấy rằng, áp lực công việc là một trong những yếu tố nguy cơ ảnh hưởng quan trọng tới thái độ an toàn của nhân viên y tế đối với người bệnh. Điều này có thể lý giải do số lượng bệnh nhân gia tăng khiến cho khối lượng công việc của nhân viên y tế tăng lên, họ phải làm việc nhiều hơn để đáp ứng kịp nhu cầu của người bệnh, thời gian phân bố cho từng bệnh nhân ít đi. Từ đó, các sự cố y khoa khó có thể kiểm soát tốt. Vì vậy, các chính sách và biện pháp nhằm giảm áp lực trong công việc đối với nhân viên y tế cần được xem xét nhiều hơn nữa trong thời gian tới.

Khi xem xét các yếu tố liên quan thấy rằng điều dưỡng có thái độ an toàn cao hơn bác sỹ, dược sỹ ở hầu hết các khía cạnh (trừ áp lực công việc). Kết quả này có sự khác biệt với nghiên cứu của Kexin Jiang năm 2019, Abhijit Chakravartyn năm 2015 khi bác sỹ thường đạt điểm cao hơn các vị trí khác ở hầu hết các khía cạnh.^{4,14} Điều dưỡng có điểm thái độ an toàn cao nhất có thể lý giải rằng điều dưỡng làm sàng là nhân viên y tế trực tiếp chăm sóc, theo dõi bệnh nhân hàng ngày, số lượng bệnh nhân chăm sóc có thể từ một đến nhiều người bệnh. Đặc biệt tại các khoa cấp cứu, khoa ngoại đặc thù là bệnh nhân nặng, vai trò và trách nhiệm của người điều dưỡng rất cần thiết trong việc theo dõi, chăm sóc bệnh nhân trước, trong, và sau phẫu thuật. Điều này cho thấy rằng điều dưỡng giữ một vai trò quan trọng trong quá trình điều trị và sự an toàn sức khỏe của bệnh nhân. Năm 2011, Bộ Y tế đã triển khai Thông

tư số 07/2011/TT-BYT về Hướng dẫn công tác điều dưỡng về chăm sóc người bệnh trong bệnh viện.¹⁵ Thông tư quy định Chương II, Điều 4 đến Điều 15 về nhiệm vụ chuyên môn của điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh. Điều này góp phần làm tăng thái độ an toàn của điều dưỡng trong quá trình thực hiện công việc.

Do hạn chế về thời gian và nguồn lực, chúng tôi chỉ có thể đánh giá thái độ an toàn của nhân viên y tế tại Bệnh viện Đa khoa Thảo Nguyên. Mặt khác, do nghiên cứu được tiến hành mô tả cắt ngang, chúng tôi không thể mô tả sự thay đổi về thái độ an toàn của nhân viên y tế tại địa điểm này theo thời gian. Mặc dù những phát hiện trong nghiên cứu này không mang tính đại diện hoàn toàn, nhưng kết quả này chắc chắn có thể cung cấp dữ liệu cơ bản để nghiên cứu sâu hơn tại Bệnh viện Đa khoa Thảo Nguyên và các bệnh viện khác tại Việt Nam.

V. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy điểm thái độ an toàn của nhân viên y tế tại Bệnh viện Đa khoa Thảo Nguyên ở mức trung bình. Điều này cho thấy cần tập trung cải thiện hơn về các khía cạnh chưa đạt điểm tích cực để nâng cao văn hóa an toàn người bệnh. Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) giữa giới tính, tình trạng hôn nhân, chuyên môn đào tạo chính, và bằng cấp cao nhất với thái độ an toàn của nhân viên y tế. Bằng chứng có thể giúp các nhà hoạch định chính sách y tế của Nhà nước và các nhà quản lý bệnh viện phát triển các chiến lược để cải thiện văn hóa an toàn người bệnh. Đồng thời, kết quả nghiên cứu có thể cung cấp tài liệu tham khảo cho các nghiên cứu khác trong tương lai.

LỜI CẢM ƠN

Nhóm nghiên cứu gửi lời cảm ơn đến lãnh đạo Bệnh viện Đa khoa Thảo Nguyên và tất cả những cộng sự tham gia vào nghiên cứu đã

giúp nghiên cứu được thực hiện thành công.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. WHO. Hướng dẫn chương trình giảng dạy về An toàn bệnh nhân: Ấn bản đa ngành. Accessed January 4, 2021. <http://qpsolutions.vn/cgi-bin/Document/AnToanNguoiBenh-WHO.pdf>. Published online 2015.
2. Nieva V.F. và Sorra J. Safety culture assessment: a tool for improving patient safety in healthcare organizations. *BMJ Quality & Safety*. 2003;(ii17–ii23).
3. Mai Thị Tiết. Nghiên cứu tình hình nhiễm khuẩn bệnh viện và các yếu tố liên quan tại Bệnh viện đa khoa Đồng Nai năm 2014. *Tạp chí y học thực hành*. 2014;53-56.
4. Jiang K, Tian L, Yan C, et al. A cross-sectional survey on patient safety culture in secondary hospitals of Northeast China. *PLOS ONE*. 2019;14(3).
5. Zimmermann N, Kung K, Sereika SM, et al. Assessing the safety attitudes questionnaire (SAQ), German language version in Swiss university hospitals - a validation study. *BMC Health Serv Res*. 2013;13(1):347.
6. Nguyễn Duy Luật, Nguyễn Thị Trúc, Nguyễn Thị Thu Hà và cộng sự. Sự hài lòng của nhân viên y tế của một số cơ sở y tế tỉnh Nghệ An đối với công việc chăm sóc, điều trị người nhiễm HIV/AIDS, năm 2014. *Tạp chí Y học Dự phòng*. 2015; 166(6).
7. Lê Thanh Nhuận và Lê Cự Linh. Sự hài lòng đối với công việc của nhân viên tuyến cơ sở. *Tạp chí Y tế Công cộng*. 2009; 56(4).
8. Phạm Minh Khuê và Hoàng Thị Giang. Sự căng thẳng nghề nghiệp ở nhân viên y tế của một bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh tại Hải Phòng, năm 2011. *Tạp chí Y học Dự phòng*. 2011; 152 (3).
9. Nguyễn Bích Hà và Nguyễn Thị Thùy. Khảo sát bước đầu về mức độ khối lượng và

áp lực công việc, tình trạng đào tạo liên tục về chuyên môn y đối với các y sĩ, bác sĩ tại một số bệnh viện huyện. *Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh*. 2012;275-282.

10. SAQ-ShortFormScaleItems. .Accessed January 4, 2021. https://med.uth.edu/chqs/wp-content/uploads/sites/75/2020/03/SAQ-Short-Form-Scale-Items_000-updated-6.27.16-1.pdf. Publishedonline 2020.

11. Nguyễn Thị Huyền Trâm. Thái độ của nhân viên y tế về an toàn người bệnh tại Bệnh viện Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc năm 2016 và các yếu tố liên quan. *Tạp chí Y học thực hành*. 2016; 64 (5).

12. Tondo JCA, Guirardello E de B, Tondo JCA, Guirardello E de B. Perception of nursing

professionals on patient safety culture. *Revista Brasileira de Enfermagem*. 2017;70(6):1284-1290.

13. Pravesh S. Gadhradj, Biswadjet S. Harhangi. Safety Culture and Attitudes Among Spine Professionals: Results of an International Survey. *SAGE Journal*. 2019; 9 (6): 642-649.

14. Chakravarty A, Sahu A, Biswas M, Chatterjee K, Rath S. A study of assessment of patient safety climate in tertiary care hospitals. *Medical Journal Armed Forces India*. 2015;71(2):152-157.

15. Bộ Y tế. Thông tư 07/2011/TT-BYT. Hướng dẫn công tác điều dưỡng về chăm sóc người bệnh.

Summary

SAFETY ATTITUDES OF HEALTH WORKERS AND ITS ASSOCIATED FACTORS AT THAO NGUYEN HOSPITAL, SON LA PROVINCE IN 2020

This cross-sectional study described the attitude of 97 healthcare workers regarding safety at Thao Nguyen General Hospital. Safety attitudes were assessed using the Safety Attitudes Questionnaire. The questionnaire was translated into Vietnamese and tested for reliability by Nguyen Thi Huyen Tram (Cronbach's alpha = 0.885). For all the items in the questionnaire, the participants scored an average of 69.56 ± 8.91 (out of 100). The job satisfaction section had the highest average score (78.25 ± 14.67), followed by sections on working conditions (72.51 ± 14.69), perceptions of management (71.56 ± 11.72), teamwork climate (69.72 ± 11.53), and safety climate (67.08 ± 9.63); the participants scored the lowest average in the stress recognition section (58.18 ± 14.67). The proportion of healthcare workers with positive safety attitudes was 22.7%. Female, single, nurse and those with bachelor degree had significantly higher level of safety attitudes compared to their counterparts ($p < 0.05$). In conclusion, the average safety attitude scores of healthcare workers at Thao Nguyen General Hospital were found to be above average. Hospitals should implement training programs to improve the areas with low average safety knowledge scores in order to enhance the patient safety culture.

Keywords: safety attitudes, healthcare workers, hospital, Son La.